

Bản án số: 418/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20-12-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Kim Sơn; Bà Trần Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Duy N, sinh năm: 1973; địa chỉ: số nhà C ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre; xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh năm: 1976; nơi cư trú cuối cùng: số nhà C ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre; đã mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, đơn trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là ông Lê Duy N (sau đây gọi tắt là ông N) trình bày:

Ông N và bà N1 quen biết và kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào ngày 02/7/2018. Sau khi kết hôn ông và bà N1 chung sống tại địa chỉ: 3 ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng tháng 6 năm 2020 bà N1 bỏ nhà đi luôn cho đến nay. Ngày 16/10/2023 ông N có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre ra thông báo tìm kiếm bà N1 vắng mặt tại nơi cư trú và sau đó là yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách tuyên bố bà N1 mất tích nhưng vẫn không có tin tức gì của bà N1. Đến ngày 23/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã tuyên bố bà Nguyễn Thị Mỹ N1 mất tích theo Quyết định số: 194/2024/QĐST-VDS. Nay ông N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết cho ông được ly hôn với bà N1, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ *Về con chung:* Ông N và bà N1 không có con chung.

+ Về tài sản và nợ: Không có.

- Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ N1 đã mất tích, nên không có lời trình bày của đương sự này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Duy N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn” với bà Nguyễn Thị Mỹ N1, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông N có địa chỉ và bà N1 có nơi cư trú cuối cùng thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông N và bà N1 tự nguyện kết hôn với nhau và có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/7/2018. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm, đến khoảng tháng 6 năm 2020 thì bà N1 bỏ nhà đi cho đến nay mà vẫn không có tin tức gì về cho gia đình. Mặc dù ông N đã đăng tin trên báo, đài để tìm kiếm bà N1 và tiếp đó là yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tuyên bố bà N1 mất tích, nhưng vẫn không có tin tức gì của bà N1. Căn cứ vào Quyết định số: 194/2024/QĐST-VDS ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách về việc tuyên bố bà Nguyễn Thị Mỹ N1 mất tích, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông N đối với bà N1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Ông N, bà N1 không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản, nợ: Ông N xác định ông và bà N1 không có tài sản chung và không có nợ của ai khoản nợ nào. Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản, nợ nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Duy N phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (về việc ly hôn) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê Duy N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ N1.

[2] *Về con*: Không có.

[3] *Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ*: Bà Nguyễn Thị Mỹ N1 đã mất tích; ông Lê Duy N không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Lê Duy N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003382 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; ông Lê Duy N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án*: Ông Lê Duy N quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Ông Lê Duy N^(01 bản);
- Bà Nguyễn Thị Mỹ N^(01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách^(01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Chợ Lách^(01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre^(01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án^(01 bản), Vp^(01 bản), Bp^(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyên

